

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2008

Số: 144 /2008/TTLT-
BQP-BLĐTBXH-BTC

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg
ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ
đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20
năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương**

Thi hành Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (sau đây gọi tắt là Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg), Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG CHẾ ĐỘ

1. Đối tượng và điều kiện áp dụng

Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương, hiện không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hoặc chế độ bệnh binh hàng tháng, thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Đã phục viên, xuất ngũ về địa phương;
- b) Đã chuyển ngành rồi thôi việc;
- c) Đã phục viên, xuất ngũ một thời gian rồi tiếp tục công tác (tái ngũ; làm việc ở cơ quan, đơn vị, tổ chức ngoài quân đội), sau đó lại phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

2. Đối tượng không áp dụng

a) Những người thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 nêu trên nhưng hiện đang hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hoặc chế độ bệnh binh hàng tháng; hoặc hiện đang công tác hưởng lương từ ngân sách Nhà nước có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc;

b) Những người phản bội, đầu hàng địch; người vi phạm kỷ luật bị tước danh hiệu quân nhân; người tính đến ngày Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành mà đang chấp hành án tù chung thân hoặc bị kết án một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia mà chưa được xoá án tích;

c) Người xuất cảnh ra nước ngoài bất hợp pháp; người xuất cảnh và ở lại nước ngoài bất hợp pháp (bao gồm cả người đi lao động hợp tác quốc tế);

d) Người đã hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005; khoản 2 Điều 1 Quyết định số 92/2005/QĐ-TTg ngày 29/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ thì không được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo hướng dẫn tại khoản 3, 4 Mục II Thông tư này;

đ) Người đã từ trần nhưng không còn vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ; con đẻ, con nuôi hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp.

II. CHẾ ĐỘ ĐƯỢC HƯỞNG

1. Cách tính thời gian hưởng

a) Thời gian tính hưởng chế độ là thời gian công tác thực tế trong quân đội từ khi nhập ngũ đến khi phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành.

Đối với các trường hợp chuyển ngành rồi thôi việc; hoặc đã phục viên, xuất ngũ một thời gian rồi tiếp tục công tác (như: tái ngũ; làm việc ở cơ quan, đơn vị, tổ chức ngoài quân đội), sau đó lại phục viên, xuất ngũ, thôi việc, thì thời gian chuyển ngành và thời gian làm việc ngoài quân đội không được tính hưởng chế độ.

b) Thời gian công tác thực tế trong quân đội nếu gián đoạn được cộng dồn để tính hưởng chế độ.

c) Thời gian hưởng chế độ trợ cấp một lần, nếu có tháng lẻ thì đủ 6 tháng trở lên được tính là một năm, dưới 6 tháng được tính là nửa năm (1/2 năm).

2. Chế độ trợ cấp hàng tháng

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Mục I Thông tư này, có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác trong quân đội, được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng, tính theo số năm công tác thực tế. Mức hưởng cụ thể như sau:

- Từ đủ 15 năm đến dưới 16 năm, mức trợ cấp bằng 600.000đồng/tháng;
- Từ đủ 16 năm đến dưới 17 năm, mức trợ cấp bằng 630.000đồng/tháng;
- Từ đủ 17 năm đến dưới 18 năm, mức trợ cấp bằng 660.000đồng/tháng;
- Từ đủ 18 năm đến dưới 19 năm, mức trợ cấp bằng 690.000đồng/tháng;
- Từ đủ 19 năm đến dưới 20 năm, mức trợ cấp bằng 720.000đồng/tháng.

Ví dụ 1. Ông Nguyễn Văn A, nhập ngũ tháng 2/1961, phục viên (xuất ngũ) về địa phương tháng 8/1978.

Cách tính hưởng chế độ đối với ông Nguyễn Văn A như sau:

Thời gian công tác thực tế trong quân đội của ông Nguyễn Văn A từ tháng 2/1961 đến tháng 8/1978 là 17 năm 7 tháng. Mức hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng là 660.000 đồng/tháng.

Ví dụ 2. Ông Trần Văn B, nhập ngũ tháng 5/1972, tháng 6/1988 từ quân đội chuyển ngành, đến năm 1991 về nghỉ hưởng chế độ thôi việc.

Cách tính hưởng chế độ đối với ông Trần Văn B như sau:

Thời gian công tác thực tế trong quân đội từ tháng 5/1972 đến tháng 6/1988 là 16 năm 2 tháng. Mức hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng là 630.000 đồng/tháng (thời gian chuyển ngành công tác ngoài quân đội không được tính hưởng chế độ).

Ví dụ 3. Ông Hoàng Văn C, nhập ngũ tháng 2/1965, tháng 5/1970 bị thương đơn vị cho về phục viên; tháng 4/1972 tái ngũ, đến tháng 4/1982 do sức khoẻ yếu đơn vị giải quyết chế độ phục viên.

Cách tính hưởng chế độ đối với ông Hoàng Văn C như sau:

Thời gian công tác thực tế trong quân đội lần thứ nhất từ tháng 2/1965 đến 5/1970 là 5 năm 4 tháng; lần thứ hai từ tháng 4/1972 đến 4/1982 là 10 năm 1 tháng, tổng thời gian công tác thực tế là 15 năm 5 tháng. Mức hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng là 600.000 đồng/tháng.

b) Khi Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp hàng tháng thì mức hưởng của các đối tượng nêu trên cũng được điều chỉnh tương ứng; thời điểm được điều chỉnh thực hiện theo quy định của Chính phủ kể từ sau ngày 01/01/2009.

c) Người được hưởng trợ cấp hàng tháng từ trần thì thôi hưởng từ tháng tiếp theo; người tổ chức lễ mai táng được hưởng trợ cấp một lần bằng 3 tháng trợ cấp hiện hưởng của người từ trần.

Ví dụ 4. Ông Nguyễn Đình K được hưởng trợ cấp hàng tháng từ tháng 01/2009 với mức 630.000 đồng/tháng, đến tháng 10/2009 ông Nguyễn Đình K từ trần, người tổ chức mai táng được hưởng trợ cấp một lần là:

$$03 \text{ tháng} \times 630.000 \text{ đồng/tháng} = 1.890.000 \text{ đồng.}$$

3. Chế độ trợ cấp một lần

Đối tượng quy định tại khoản 1 Mục I Thông tư này, có dưới 15 năm công tác trong quân đội, được hưởng chế độ trợ cấp một lần, tính theo số năm công tác thực tế, cụ thể như sau:

a) Đối tượng có thời gian công tác thực tế trong quân đội từ đủ 2 năm trở xuống mức hưởng trợ cấp một lần bằng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng);

b) Đối tượng có thời gian công tác thực tế trong quân đội trên 2 năm, thì từ năm thứ 3 trở đi cứ mỗi năm được cộng thêm 600.000 đồng.

Mức trợ cấp một lần được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức hưởng} = 2.000.000 \text{ đồng} + [(\text{số năm được tính hưởng} - 2 \text{ năm}) \times 600.000 \text{ đồng}].$$

Ví dụ 5. Ông Trần Văn D, nhập ngũ tháng 3/1968, phục viên về địa phương tháng 2/1977.

Cách tính hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với ông Trần Văn D như sau:

Thời gian từ tháng 3/1968 đến tháng 2/1977 là 9 năm. Chế độ được hưởng là:

$2.000.000 \text{ đồng} + [(9 \text{ năm} - 2 \text{ năm}) \times 600.000 \text{ đồng}] = 6.200.000 \text{ đồng}.$

Ví dụ 6. Ông Trần Văn E, nhập ngũ tháng 5/1965, phục viên về địa phương tháng 8/1976.

Cách tính hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với ông Trần Văn E như sau:

Thời gian từ tháng 5/1965 đến tháng 8/1976 là 11 năm 4 tháng, được tính là 11,5 năm. Chế độ được hưởng là:

$2.000.000 \text{ đồng} + [(11,5 \text{ năm} - 2 \text{ năm}) \times 600.000 \text{ đồng}] = 7.700.000 \text{ đồng}.$

4. Đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng nếu đã từ trần trước ngày 01 tháng 01 năm 2009; đối tượng hưởng trợ cấp một lần nêu trên nếu đã từ trần trước ngày Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành, bao gồm cả trường hợp từ trần khi tại ngũ báo tử là tử sĩ, thì một trong những người sau đây: vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ; con đẻ, con nuôi hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp của người từ trần được hưởng chế độ trợ cấp một lần bằng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

III. NGUỒN KINH PHÍ BẢO ĐẢM

1. Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng do nguồn ngân sách Trung ương bảo đảm, Bộ Tài chính bảo đảm theo đề nghị của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, chuyển Sở Lao động-Thương binh và Xã hội các tỉnh (thành phố) chi trả cho đối tượng.

2. Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp một lần bao gồm kinh phí chi trả cho đối tượng được hưởng trợ cấp và kinh phí đảm bảo cho công tác chi trả bằng 4% tổng kinh phí chi trả cho đối tượng, do nguồn ngân sách Trung ương bảo đảm, Bộ Tài chính cấp phát theo đề nghị của Bộ Quốc phòng.

Nội dung chi kinh phí bảo đảm cho công tác chi trả gồm: xét duyệt, thẩm định hồ sơ; chi tuyên truyền, phổ biến chính sách; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; sơ, tổng kết; in ấn mẫu biểu, giấy tờ quản lý và mua sắm, sửa chữa nhỏ trang bị, đồ dùng văn phòng phục vụ công tác chi trả. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

IV. HỒ SƠ HƯỞNG CHẾ ĐỘ

1. Các giấy tờ làm căn cứ xét duyệt

a) Giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc, gồm:

- Quyết định phục viên, xuất ngũ; lý lịch quân nhân; bản trích yếu 63;
- Sổ trợ cấp phục viên, xuất ngũ; phiếu trợ cấp phục viên, xuất ngũ;
- Lý lịch đảng viên (nếu có);

- Giấy xác nhận của đơn vị cũ trước khi quân nhân phục viên, xuất ngũ (đối với trường hợp không có các giấy tờ nêu trên), kèm theo bản photo hồ sơ lưu trữ, quản lý của đơn vị làm căn cứ để xác nhận (mẫu 08), do Thủ trưởng đơn vị cấp Trung đoàn hoặc tương đương trở lên theo phân cấp quản lý đối tượng trước khi phục viên, xuất ngũ cấp, ký, đóng dấu.

b) Giấy tờ liên quan, gồm:

- Quyết định gọi nhập ngũ; bổ nhiệm chức vụ, đề bạt quân hàm; điều động công tác;
- Giấy đăng ký quân nhân dự bị (phiếu đăng ký; phiếu cán bộ; bản khai phong, thăng quân hàm quân nhân dự bị...);
- Huân, Huy chương Kháng chiến, Giải phóng và các hình thức khen thưởng khác;
- Phiếu chuyển thương, chuyển viện; phiếu sức khoẻ;
- Giấy chứng tử; giấy báo tử tử sỹ;
- Giấy xác nhận của Ban Chỉ huy quân sự huyện (quận) hoặc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố), kèm theo bản photo danh sách hoặc hồ sơ quản lý quân nhân khi nhập ngũ và xuất ngũ của đơn vị làm căn cứ xác nhận, do Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu (mẫu 08);
- Các giấy tờ liên quan khác.

2. Hồ sơ xét hưởng chế độ

a) Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng

Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng được lập thành 03 bộ, gồm:

- Bản khai cá nhân của đối tượng (mẫu 1A);
- Một hoặc các giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc; hoặc giấy tờ liên quan (gồm: bản gốc hoặc bản công chứng và bản photo có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, theo từng bộ hồ sơ). Các giấy tờ trên phải chứng minh được ngày, tháng, năm nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước và tổng thời gian công tác thực tế trong quân đội từ đủ 15 năm trở lên;
- Bản photo Chứng minh thư nhân dân (có công chứng hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường);
- Biên bản xét và xác nhận của Hội nghị Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh xã, phường (mẫu 03);
- Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, phường (mẫu 04);
- Công văn đề nghị của các cấp (mẫu 05), kèm theo danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng (mẫu 6A);
- Bản xét duyệt và đề nghị của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố) (mẫu 5A).

Hồ sơ bàn giao Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tiếp nhận để thực hiện chi trả chế độ hàng tháng, ngoài công văn giới thiệu của Bộ Quốc phòng (Cục Chính sách), gồm:

- Bản khai cá nhân;
- Bản xét duyệt và đề nghị của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố);
- Quyết định hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng của Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị.

b) Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp một lần (bao gồm các đối tượng dưới 15 năm và đối tượng đã từ trần)

Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp một lần được lập thành 02 bộ, gồm:

- Bản khai cá nhân của đối tượng hoặc thân nhân của đối tượng (mẫu 1B, 1C);
- Một hoặc các giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc; hoặc giấy tờ có liên quan (bản photo có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc công chứng);
- Bản photo Chứng minh thư nhân dân (có công chứng hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường);
- Biên bản xem xét và xác nhận của Hội nghị liên tịch thôn, xóm, tổ dân phố, ấp...(sau đây gọi chung là thôn), (mẫu 02);
- Biên bản xét và xác nhận của Hội nghị Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh xã, phường (mẫu 03);
- Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, phường (mẫu 04);
- Công văn đề nghị của các cấp (mẫu 05), kèm theo danh sách đối tượng được hưởng chế độ một lần (mẫu 6B).

V. TRÁCH NHIỆM VÀ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của đối tượng và thân nhân đối tượng

- a) Làm bản khai theo mẫu quy định.
- b) Nộp hồ sơ theo quy định cho Ủy ban nhân dân xã, phường gồm: bản khai của cá nhân hoặc của thân nhân và giấy tờ gốc hoặc giấy tờ được coi là giấy tờ gốc, hoặc giấy tờ liên quan; bản photo Chứng minh thư nhân dân.
- c) Bảo đảm tính trung thực của bản khai, các giấy tờ cá nhân và chịu trách nhiệm pháp lý khi có hành vi vi phạm pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường

- a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến trong nhân dân và đối tượng về nội dung chế độ, chính sách; quy trình tổ chức thực hiện; trách nhiệm của cá nhân và các cấp.
- b) Kiện toàn Hội đồng chính sách xã, phường (thành phần như quy định thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ).
- c) Tiếp nhận hồ sơ của đối tượng đề nghị hưởng chế độ. Tiến hành phân hồ sơ theo 2 loại: đối tượng hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng và đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần.
- d) Tổ chức xét duyệt theo quy định sau đây:
 - Đối với đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng, xét duyệt thành 02 đợt: đợt 1 xét duyệt các đối tượng có giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc; đợt 2 xét duyệt các đối tượng có các giấy tờ liên quan. Trình tự xét duyệt như đối với đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần, nhưng không xét duyệt ở cấp thôn.

Trường hợp đối tượng có từ đủ 15 năm trở lên, nhưng không có giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc, hoặc giấy tờ liên quan thì Ủy ban nhân dân xã, phường tổng hợp danh sách để xem xét, giải quyết sau.

